TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÃNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 06-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hợp

Bà Lương Thị Phượng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Đinh Thị Lệ Vân, bà Lương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2020/TLST-HS, ngày 29/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST - HS, ngày 14/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/HSST-QĐ, ngày 24/12/2020 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn T, các tên gọi khác: P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1983 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T (trước đây là thôn C), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn A, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nông Máy K, sinh năm 1941; vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1971 (sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn), con: Không có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 84/2007/HSST ngày 14/9/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 10 năm tù về tội Vận chuyển tiền giả bị cáo đã chấp hành xong đã được xóa án tích; bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 28-02-2020, tạm giam từ ngày 05-3-2020 đến nay; có mặt.

2. Hoàng Thị L, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1971 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn T (trước đây là thôn C), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Tày;

giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1935 (đã chết) và bà La Thị T, sinh năm 1938; chồng: Nông Văn T, sinh năm 1983 (sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn), con: Có 01 con sinh năm 2008; tiền án: Bản án số 33/2019/HS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm đang chấp hành án; tiền sự: Không có; nhân thân: Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự chưa được xóa án tích, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 27-02-2020, tạm giam từ ngày 04-3-2020 đến nay; có mặt.

3. Bế Đình B, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1983 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Viết P, sinh năm 1941 và bà Phan Thị L, sinh năm 1944 (đã chết); vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1989, con: Có 01 con sinh năm 2009; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 28-02-2020, tạm giam từ ngày 05-3-2020 đến nay; có mặt.

4. Nông Văn S, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1994 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T (trước đây là thôn C), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C, sinh năm 1968 và bà Hà Thị S, sinh năm 1969 (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 22-6-2020 đến nay; có mặt.

5. Nông Văn H, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1989 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Ký S, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Vy Thị P, sinh năm 1961; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 22-6-2020 đến nay; có mặt.

6. Hoàng Văn V, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1982 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K, sinh năm 1944 và bà Phan Thị B, sinh năm 1946 (đã chết); vợ: Chu Thùy T, sinh năm 1978, con: Có 01 con sinh năm 2011; tiền án: Bản án số 42/2020/HSST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tiền sự: Không có; nhân thân: Đã bị truy cứu trách nhiệm hình

sự chưa được xóa án tích, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo đang thi hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Âu Văn L, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1987 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Âu Viết N, sinh năm 1948 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt.

8. Âu Văn H, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1989 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Âu Viết N, sinh năm 1948 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến ngày 31-8-2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T:* Bà Lê Thị L – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị L:* Bà Lương Thị Hương L – Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn S:* Ông Chu Thế V – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn Hưởmg:* Ông Bế Quang H – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn V:* Ông Lâm Xuân T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Âu Văn L:* Ông Hoàng Văn L – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà Nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Âu Văn H:* Bà Lương Thị Kim M – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Âu Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Anh Lý Văn T; có mặt.

+ Anh Lăng Văn M; có mặt.

+ Anh Đinh Quốc C; vắng mặt.

+ Anh Triệu Văn Đ; vắng mặt.

+ Anh Lý Luận T; vắng mặt.

+ Anh Hứa Văn P; vắng mặt.

+ Anh Triệu Văn T; vắng mặt.

+ Anh Nông Văn B; vắng mặt.

+ Anh Nông Văn H; vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Nông Xuân V; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 27-02-2020, Tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ tại đoạn đường ĐT*** thuộc thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Lăng Văn M, sinh năm 1986 trú tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và Lý Văn T, sinh năm 2000, trú tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tiến hành kiểm tra 02 đối tượng trên thì phát hiện trong túi quần đằng sau bên phải của Lăng Văn M có 01 gói giấy kẻ ô ly màu trắng và phát hiện trong túi quần đằng trước bên phải đang mặc của Lý Văn T có 01 gói giấy kẻ ô ly màu trắng, mở 02 gói giấy ra bên trong đều chứa chất bột màu trắng nghi là chất ma túy Heroine. Tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã đưa Lăng Văn M và Lý Văn T cùng tang vật về trụ sở Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn lập biên bản sự việc. Tại đây các đối tượng Lăng Văn M và Lý Văn T khai bản thân là người nghiện ma túy nên vừa cùng nhau đi mua ma túy với Hoàng Thị L, trú tại thôn T (trước đây là thôn C), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn mỗi người 01 gói ma túy với giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng, mục đích về sử dụng, khi cả hai vừa mua được ma túy và ra đến đoạn đường thuộc thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn chuẩn bị mang ma túy ra sử dụng thì bị lực lượng chức năng phát hiện. Tang vật thu giữ: 02 (hai) gói giấy kẻ ô ly màu trắng, bên trong mỗi gói giấy đều chứa chất bột màu trắng nghi là chất ma túy Heroine, mỗi gói giấy được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín, ký hiệu bằng chữ viết tay "SV Lăng Văn M" và "SV Lý Văn T".

Ngày 27, 28-02-2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã ra Lệnh giữ, Lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Thị L, Nông Văn T và Bế Đình B và ra Lệnh khám xét khẩn cấp tại nhà ở của Nông Văn T tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả thu giữ tang vật, đồ vật, tài sản như sau:

- Thu giữ của Hoàng Thị L: 01 (một) túi xách giả da màu nâu, dây đeo màu da cam; số tiền 7.170.000 (bẩy triệu một trăm bẩy mươi nghìn) đồng, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thị L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng, số imei1: 855.121.089.737.*** bên trong lắp 01 sim viettel và 01 sim vinaphone.

- Thu giữ trong phòng ngủ của Nông Văn T: 01 (một) túi nilon màu trắng bên trong đựng 63 (sáu mươi ba) gói giấy kẻ ô ly màu trắng bên trong các gói giấy đều chứa chất bột màu trắng; 01 (một) gói giấy màu trắng bên trong có 01 túi nilon màu trắng bề mặt có chữ "MERAPGROUP" bên trong đựng chất bột màu trắng; 04 (bốn) gói giấy kẻ ô ly màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng. Tất cả các gói và túi chứa chất bột màu trắng đều nghi là chất ma túy Heroine đã thu giữ đều được niêm phong trong 01 phong bì thư ký hiệu bằng chữ viết tay "KX1 Nông Văn T".

+ 01 (một) viên nén hình tròn màu đỏ có chữ "WY" nghi là ma túy tổng hợp phát hiện thu giữ ở đầu giường ngủ trong phòng ngủ của Nông Văn T được niêm phong trong 01 phong bì thư ký hiệu bằng chữ viết tay "KX2 Nông Văn T".

+ 01 (một) gói nilon màu trắng bên trong chứa đựng 01 (một) gói nilon màu trắng bên trong chứa hạt tinh thể dạng đá màu trắng nghi là chất ma túy tổng hợp dạng đá phát hiện thu giữ trong thùng rác trong phòng ngủ của Nông Văn T được niêm phong trong 01 phong bì thư ký hiệu bằng chữ viết tay "KX3 Nông Văn T".

+ 01 (một) quyển vở học sinh kẻ ô ly màu trắng; 05 (năm) túi nilon màu trắng; 01 (một) chiếc kéo dài khoảng 20cm thu giữ tại đầu giường ngủ của Nông Văn T; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tổng hợp thu giữ trong phòng ngủ Nông Văn T; 02 (hai) bộ camera: 01 bộ gắn ở cổng nhà Nông Văn T, 01 (một) bộ gắn ở cổng nhà bà Hoàng Thị H là của Nông Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO phiên bản V6.0.1 số imei: 863.880.047.191.*** bên trong lắp 01 sim viettel dùng để kết nối camera và 02 ống nhựa màu hồng có đầu vót nhọn thu giữ tại đầu giường ngủ Nông Văn T.

+ 144 (một trăm bốn mươi bốn) tờ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam loại mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/tờ = 72.000.000 (bẩy mươi hai triệu) đồng phát hiện thu giữ trong phòng ngủ của Hoàng Thị L; 01 (một) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng phát hiện thu giữ tại đầu giường ngủ của Nông Văn T tất cả được niêm phong trong 01 phong bì thư ký hiệu "KX4 Nông Văn T";

+ Thu giữ trên người của Nông Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, số imei: 868.683.043.*** bên trong lắp 2

sim Viettel; số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng; 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nông Văn T.

- Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài sản trên người của Bế Đình B: 01 (một) thẻ điều trị Methadone mang tên Bế Đình B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen số seri 356.018.089.944.*** bên trong lắp 01 sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, số imei1: 355.113.090.789.75*** bên trong lắp 01 sim Viettel; số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu đen, biển kiểm soát 98A-014.** tại thời điểm bắt giữ Bế Đình B, Bế Đình B là người đang lái chiếc xe ô tô trên.

- Qua kiểm tra phương tiện xe ô tô biển kiểm soát 98A – 014.**, kết quả thu giữ: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004***, tên chủ xe Lê Hoàng A; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định phương tiện giao thông; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới tên chủ xe Lê Hoàng A, biển kiểm soát 98A-014.** và 01 (một) bản hợp đồng mua bán xe viết tay giữa Nguyễn Thị L và Âu Văn T.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận: Nông Văn T và Hoàng Thị L sống chung với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) tại thôn T (trước đây là thôn C), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nông Văn T là người nghiện chất ma túy nên từ tháng 01 năm 2018, Nông Văn T bắt đầu đi mua ma túy về nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bán cho những người nghiện kiếm lời. Nông Văn T thường xuyên sang khu vực biên giới Việt Nam – Trung Quốc thuộc địa phận thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn mua ma túy với một người đàn ông Trung Quốc tên V khoảng 60 tuổi (không rõ địa chỉ) lần mua ít nhất là 3.000.000 (ba triệu) đồng, lần mua nhiều nhất 6.000.000 (sáu triệu) đồng đem về nhà cùng Hoàng Thị L chia thành nhiều gói nhỏ để bán cho người nghiện mỗi gói giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Thời gian đầu chỉ một mình Nông Văn T bán ma túy, đến tháng 5 năm 2019 Hoàng Thị L tham gia bán ma túy cùng Nông Văn T. Khi Nông Văn T và Hoàng Thị L ở nhà, có người đến nhà mua ma túy, Nông Văn T hoặc Hoàng Thị L bán, khi Nông Văn T vắng nhà thì Hoàng Thị L bán và ngược lại. Từ tháng 7 năm 2019, Nông Văn T và Hoàng Thị L bắt đầu đưa ma túy cho một số người nghiện đã quen biết để bán lẻ ma túy ngay tại nhà của Nông Văn T và trả công bằng việc cho ma túy sử dụng hoặc trả bằng tiền Việt Nam. Đồng thời Nông Văn T và Hoàng Thị L vẫn là người trực tiếp bán, có người nghiện mua ma túy với Nông Văn T nhiều lần, Nông Văn T mở cổng cho vào nhà mua ma túy và cho họ sử dụng ma túy ngay tại phòng ngủ của Nông Văn T. Để phục vụ cho việc bán ma túy thuận lợi, tránh việc cơ quan chức năng phát hiện, Nông Văn T thuê người xây tường rào xung quanh nhà, chỉ để cổng vào nhà. Đến tháng 12 năm 2019 Nông Văn T lắp khung sắt xung quanh nhà và lắp đặt 02 camera giám sát, một chiếc ở cổng nhà, một chiếc ở ngoài đường kết nối với máy điện thoại di động do Nông Văn T quản lý để quan sát thấy an toàn mới bán ma túy cho những người nghiện. Khi đi ra, đi vào Nông Văn T đều khóa cổng, chỉ để một ô ở gần khe cổng để trao đổi việc mua bán ma

túy cho những người nghiện. Trung bình mỗi ngày Nông Văn T trực tiếp bán hoặc giao ma túy cho người khác bán được khoảng từ 50 đến 60 gói.

Từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019 Nông Văn T đưa ma túy cho Nông Văn S bán 03 lần, lần 01 đưa cho 02 gói, lần 02 đưa cho 04 gói, lần 03 đưa cho 10 gói. Nông Văn S được Nông Văn T trả công thỉnh thoảng cho từ 100.000 (một trăm nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Tại nhà Nông Văn T, Nông Văn S đã bán ma túy cho nhiều người nghiện ma túy nhưng chỉ nhớ tên một số người như: Bán cho Đinh Quốc C, sinh năm 1978 trú tại thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn 01 lần 03 gói được 300.000 (ba trăm nghìn) đồng qua ô cổng sắt, bán cho Hoàng Văn V 01 lần 01 gói trong nhà Nông Văn T và Hoàng Văn V sử dụng ma túy ngay tại nhà của Nông Văn T, được sự đồng ý của Nông Văn T.

Nông Văn T và Hoàng Thị L bán lẻ ma túy nhiều lần cho Nông Văn H, sinh năm 1993 trú tại thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn mỗi lần 01 gói giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Từ khoảng tháng 10 năm 2019, Hoàng Thị L giao ma túy cho Nông Văn H mỗi lần từ 10 đến 15 gói để Nông Văn H bán lẻ ngay tại cổng nhà của Nông Văn T, bán hết ma túy lại đến chỗ Hoàng Thị L lấy tiếp để bán. Trong quá trình bán ma túy cho Hoàng Thị L, Nông Văn H đã bán ma túy cho nhiều người nghiện, nhưng chỉ nhớ được tên của một số người đã mua ma túy như: Bán cho Triệu Văn Đ, sinh năm 1986, Lý Luận T, sinh năm 1993, Nông Văn H, sinh năm 1987 cùng trú tại trú tại xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; bán cho Hoàng Văn V (là bị cáo trong vụ án), Hứa Văn P, sinh năm 1981 trú tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhiều lần mỗi lần 01 gói giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Trong quá trình bán ma túy cho Hoàng Thị L tại nhà của Nông Văn T, Nông Văn T cho Nông Văn H sử dụng ma túy nhiều lần ngay tại phòng ngủ của Nông Văn T.

Từ khoảng tháng 10 năm 2019 đến cuối tháng 12 năm 2019, Âu Văn H và Âu Văn L là hai anh em ruột thường xuyên thay nhau đến nhà của Nông Văn T để mua ma túy để sử dụng. Sau khi mua ma túy xong, Nông Văn T cho Âu Văn H và Âu Văn L sử dụng ma túy nhiều lần ngay tại phòng ngủ của Nông Văn T. Sau một thời gian quen biết và tin tưởng, khoảng tháng 11 năm 2019 Nông Văn T bảo Âu Văn L và Âu Văn H thay nhau ở lại nhà Nông Văn T bán ma túy cho Nông Văn T. Nông Văn T trả công cho Âu Văn H, Âu Văn L bằng việc sử dụng ma túy không mất tiền. Mỗi lần Nông Văn T giao cho Âu Văn H, Âu Văn L từ 10 đến 15 gói ma túy để bán. Trong tháng 11 năm 2019 đến giữa tháng 12 năm 2019, tại nhà Nông Văn T, Âu Văn H đã bán ma túy nhiều lần cho nhiều người nhưng chỉ nhớ tên một số người: Bán cho Hoàng Văn V, Bế Đình B, Đinh Quốc C mỗi người từ 01 đến 02 lần mỗi lần 01 gói. Trong đó có một lần Đinh Quốc C được sự cho phép của Nông Văn T sau khi mua ma túy với Nông Văn T xong đã sử dụng ngay tại phòng ngủ của Nông Văn T. Từ giữa tháng 12 năm 2019 đến cuối tháng 12 năm 2019, Âu Văn L bán ma túy nhiều người nghiện, nhưng chỉ nhớ được tên một số người như: Bán cho Hoàng Văn V, Bế Đình B mỗi người 01 lần, bán cho Đinh Quốc C từ 03 đến 04 lần mỗi lần 01 gói.

Trong thời gian từ ngày 01-01-2020 đến 21-01-2020, Hoàng Thị L thường xuyên đưa ma túy cho bị cáo Hoàng Văn V bán, lần ít nhất là 20 gói, nhiều nhất 30 gói, Hoàng Văn V bán qua ô cổng sắt ở nhà Nông Văn T. tiền bán được ma túy, Hoàng Văn V đưa cho Hoàng Thị L, mỗi lần Hoàng Thị L trả công cho Hoàng Văn V từ 02 đến 04 gói ma túy để sử dụng. Tại nhà Nông Văn T, Hoàng Văn V đã bán ma túy cho những người sau: Bán cho Triệu Văn Đ 03 lần, bán cho Lý Luận T nhiều lần mỗi lần 01 gói, bán cho Triệu Văn T, sinh năm 1998 trú tại thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn 02 lần mỗi lần 01 gói. Ngoài ra Hoàng Văn V còn bán ma túy cho nhiều người khác nhưng không biết họ tên địa chỉ.

Từ cuối tháng 01 năm 2020 đến ngày 27-02-2020, Bế Đình B thường xuyên đến ăn, ngủ tại nhà của Nông Văn T và lái xe ô tô cho Nông Văn T. Trong thời gian này, Nông Văn T và Hoàng Thị L giao ma túy cho Bế Đình B bán. Nông Văn T thường để 01 túi nilon đựng các gói ma túy để trên bàn trong phòng ngủ của mình để Bế Đình B bán qua ô sắt ở cổng. Khi hết ma túy, thì Hoàng Thị L lại đem ma túy ra đặt trên bàn để Bế Đình B bán tiếp, tiền bán ma túy do Hoàng Thị L cất giữ. Mỗi ngày bán ma túy, Nông Văn T và Hoàng Thị L trả công cho Bế Đình B từ 04 đến 05 gói ma túy để sử dụng. Tại nhà Nông Văn T, Bế Đình B đã bán ma túy nhiều lần cho nhiều người, nhưng chỉ nhớ tên một số người như: Bán cho Nông Văn B, sinh năm 1986 trú tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn 08 đến 09 lần mỗi lần 01 gói, lần cuối là khoảng 11 giờ ngày 26-02-2020 bán 01 gói cho Nông Văn B; bán cho Triệu Văn Đ và Hoàng Ngọc H cùng trú tại K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn mỗi người từ 02 đến 03 lần; bán cho Hoàng Văn V khoảng 02 đến 03 lần; Đinh Quốc C khoảng 04 đến 05 lần, Âu Văn L khoảng 01 đến 02 lần mỗi lần 01 gói.

Ngày 24-02-2020, Nông Văn T tiếp tục đến đến khu vực giáp biên giới Việt Nam – Trung Quốc mua với Vài 6.000.000 (sáu triệu) đồng được 01 cục ma túy Heroine đem về chia được khoảng 90 gói nhỏ, số ma túy còn lại Nông Văn T để trong túi nilon màu trắng cất ở đầu giường ngủ của Nông Văn T. Trong ngày 25-02-2020, Nông Văn T mua với Triệu Văn L, sinh năm 1994 trú tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn 01 túi nilon đựng ma túy đá và 01 viên ma túy đá tại cổng nhà Nông Văn T. Tất cả số ma túy nêu trên Nông Văn T để trong phòng ngủ của Nông Văn T nhằm mục đích bán lẻ kiếm lời và sử dụng cho bản thân.

Khoảng 07 giờ ngày 27-02-2020, Hoàng Thị L lấy các gói ma túy từ trong túi nilon để ở trong phòng ngủ của Nông Văn T để bán cho Nông Văn H trú tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn 01 gói giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Đến khoảng 08 giờ, ngày 27-02-2020, Hoàng Thị L lại tiếp tục cùng lúc bán ma túy cho Lăng Văn M và Lý Văn T mỗi người 01 gói giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Sau khi mua được ma túy, Lăng Văn M và Lý Văn T cùng nhau đi bộ về ngã ba M thuộc thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để chuẩn bị sử dụng thì bị lực lượng chức năng phát hiện, đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để lập biên bản sự việc.

Tại bản Kết luận giám định số 101/KL-PC09 ngày 02/03/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy kẻ ô ly màu trắng được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư ghi "SV Lăng Văn M" gửi giám định là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,032 gam (đã trừ bì);

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy kẻ ô ly màu trắng được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư ghi "SV Lý Văn T" gửi giám định là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,030 gam (đã trừ bì);

- Mẫu vật trong phong bì thư có chữ "KX1 NÔNG VĂN T": Chất bột màu trắng đựng trong 04 (bốn) gói giấy màu trắng kẻ ô ly đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,156 gam (đã trừ bì); chất bột màu trắng đựng trong 63 (sáu mươi ba) gói giấy màu trắng kẻ ô ly đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 3,290 gam (đã trừ bì); Chất bột màu trắng đựng trong 01 (một) túi nilon là chất ma túy Heroine, có khối lượng 3,184 gam (đã trừ bì);

- Mẫu vật trong phong bì thư có chữ "KX2 NÔNG VĂN T": viên nén hình tròn, màu đỏ gửi giám định là chất ma túy Methamphetanine, có khối lượng 0,083 gam (đã trừ bì).

- Mẫu vật trong phong bì thư có chữ "KX3 NÔNG VĂN T": chất tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy Methamphetanine, có khối lượng 0,352 gam (đã trừ bì).

Tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKS, ngày 27/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nông Văn T (các tên gọi khác P) về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Hoàng Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Bế Đình B, Nông Văn S, Nông Văn H, Hoàng Văn V, Âu Văn L, Âu Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Thị L, Bế Đình B, Nông Văn H, Nông Văn S, Hoàng Văn V, Âu Văn L, Âu Văn H khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và không khai báo bổ sung. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội bản thân đã thực hiện là rất nghiêm trọng vi phạm pháp luật. Bị cáo Nông Văn T vì nghiện ma túy bị cáo đã trực tiếp đi mua ma túy về để sử dụng đồng thời bán lẻ ma túy nhiều lần cho những người nghiện để kiếm lời, còn giao ma túy cho các bị cáo khác để bán và trả công bằng tiền hoặc cho ma túy để sử dụng; ngoài ra còn cho các đối tượng khác sử dụng ma túy tại nhà mình. Bị cáo Hoàng Thị L không trực tiếp đi mua ma túy nhưng lấy ma túy chỗ bị cáo Nông Văn T để bán cho nhiều đối tượng nghiện; được bán ma túy cùng một thời gian và địa điểm cho Lăng Văn M và Lý Văn T; đồng thời giao ma túy cho những bị cáo khác trong vụ án để bán và trả công bằng tiền hoặc cho sử dụng ma túy. Bị

cáo Bế Đình B nghiện ma tuý; bị cáo nhận ma túy của bị cáo Nông Văn T, Hoàng Thị L để bán nhiều lần cho các đối tượng nghiện; ngoài ra bị cáo được một lần cùng với bị cáo Nông Văn T, Hoàng Thị L xẻ ma túy thành những gói nhỏ để bán. Bị cáo Nông Văn S không nghiện ma túy tuy nhiên cũng nhận ma túy của bị cáo Nông Văn T để bán cho các đối tượng nghiện ma túy nhiều lần và được trả công từ 100.000 (một trăm nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Các bị cáo khác Nông Văn H, Hoàng Văn V, Âu Văn L, Âu Văn H đều là những người nghiện ma túy để có ma túy sử dụng các bị cáo đã nhận ma túy của bị cáo Nông Văn T và Hoàng Thị L để bán ma túy nhiều lần cho các đối tượng nghiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Âu Văn T trình bày tại phiên tòa: Bản thân anh được mua 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu đen, BKS 98A-014.** với chị Nguyễn Thị L ở huyện L, tỉnh Bắc Giang, có làm giấy tờ mua bán xe. Khoảng tháng 8 năm 2019 anh đã bán chiếc xe cho bị cáo Nông Văn T với giá 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng khi mua bán xe cũng lập giấy tờ mua bán. Bị cáo Nông Văn T đã trả hết cho anh số tiền mua xe, nay anh không có ý kiến gì thêm.

Người làm chứng anh Lăng Văn M trình bày tại phiên tòa: Bản thân anh nghiện ma túy, anh và Lý Văn T đã được mua ma túy nhiều lần tại nhà bị cáo Nông Văn T. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27-02-2020 khi đi mua ma túy thì gặp Lý Văn T, cả anh và Lý Văn T cùng một thời gian, địa điểm mỗi người mua với Hoàng Thị L 01 gói ma túy với giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

Người làm chứng anh Lý Văn T trình bày tại phiên tòa: Bản thân anh nghiện ma túy, anh và Lăng Văn M đã được mua ma túy nhiều lần tại nhà bị cáo Nông Văn T. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27-02-2020 khi đi mua ma túy thì gặp Lăng Văn M, cả anh và Lăng Văn M cùng một thời gian, địa điểm mỗi người mua với Hoàng Thị L 01 gói ma túy với giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T (các tên gọi khác P) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Hoàng Thị L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Bế Đình B, Nông Văn S, Nông Văn H, Hoàng Văn V, Âu Văn L, Âu Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nông Văn T (các tên gọi khác P) từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và từ 07 (bẩy) năm tù đến 08 (tám) năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào điểm b, c, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hoàng Thị L từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo đang chấp hành án 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (năm) về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 33/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo đang chấp hành hình phạt nay lại phạm tội mới nên 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo chuyển sang 06 (sáu) tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bế Đình B từ 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hoàng Văn V từ 07 (bẩy) năm tù đến 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 42/2020/HSST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-02-2020.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Âu Văn L, Âu Văn H từ 07 (bẩy) năm tù đến 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nông Văn S, Nông Văn H từ 07 (bẩy) năm tù đến 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư có chữ "SV Lăng Văn M" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,019 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "SV Lý Văn T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,012 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng

làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "KX1 NÔNG VĂN T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,112 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết), 01 (một) túi nilon (cũ) đựng 2,975 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết), 01 (một) túi nilon có chữ "MERAP GROUP" (cũ) đựng 3,020 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "KX2 NÔNG VĂN T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,042 gam chất ma túy Methaphetamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "KX3 NÔNG VĂN T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,218 gam chất ma túy Methaphetamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) quyển vở học sinh kẻ ô ly màu trắng, mặt bìa có chữ "Play with me"; 10 (mười) tờ giấy kẻ ô ly màu trắng; 05 (năm) túi nilon màu trắng; 01 (một) chiếc kéo dài khoảng 20 cm, cán nhựa màu xanh; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá; 02 (hai) bộ camera; 01 (một) thẻ điều trị Methadone số 0250020*** cấp ngày 26-8-2019 mang tên Bế Đình B.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.170.000 (bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng trong phong bì niêm phong ký hiệu "tiền Hoàng Thị L"; 73.500.000 (bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng trong 02 phong bì niêm phong ký hiệu "tiền Nông Văn T" và "KX4 Nông Văn T"; số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng trong phong bì niêm phong "tiền Bế Đình B".

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu đen, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 98A-014.**, số máy F16D3-1421***, số khung RLLANF46DCH9119***(hiện nay xe vẫn để ở kho vật chứng Công an huyện Văn Lãng, đã bàn giao chìa khóa xe cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn) của Nông Văn T, kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004***, tên chủ xe Lê Hoàng A, biển xe đăng ký 98A -014.**, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 08-10-2012; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định phương tiện giao thông số 9800***, biển đăng ký 98A-014.** do Công ty cổ phần đăng kiểm xe cơ giới Lạng Sơn cấp ngày 19-10-2019; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới số 1387***, tên chủ xe Lê Hoàng A, biển kiểm soát 98A-014.** do Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh cấp ngày 22-5-2019; 01 (một) bản hợp đồng mua bán xe viết tay giữa Nguyễn Thị L và Âu Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, màu xanh phiên bản V6.0.1 số IMEI1: 863.880.047.191.***, IMEI 2: 863880047191***, bên trong lắp 01 sim viettel; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, màu đen phiên bản V6.0.1 số IMEI1: 868.683.043.***.092, IMEI 2: 868683043614***, bên trong lắp 02 sim viettel.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn T: 01 (một) giấy phép lái xe số 190174009*** mang tên Nông Văn T do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 29-10-2018; 01 (một) chứng minh nhân dân số 082082*** cấp ngày 11-8-2015 mang tên Nông Văn T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng, số sêri 358925076525***.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị L: 01 (một) túi xách giả da màu nâu, dây đeo màu da cam bề mặt ký hiệu chữ "XUEXECL"; 01 (một) chứng minh nhân dân số 080858*** mang tên Hoàng Thị L; 01 (một) giấy phép lái xe số 191173008*** mang tên Hoàng Thị L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đã qua sử dụng số IMEI1: 855121089737*** bên trong lắp 01 sim viettel, 01 sim vinaphone.

- Trả lại cho bị cáo Bế Đình B: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen số seri 356.018.089.944.*** bên trong lắp 01 sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, số imei1: 355.113.090.789.75*** bên trong lắp 01 sim Viettel.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Nhất trí về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 vì bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc diện trợ giúp pháp lý miễn phí. Về hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị. Nhất trí về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị L: Nhất trí về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên về áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có mẹ là bà La Thị T được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo bị bệnh tim, là người mẹ đơn thân nuôi con còn nhỏ sinh năm 2008. Về hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức thấp nhất hình phạt Viện kiểm sát đề nghị. Nhất trí về việc không áp dụng hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn S: Về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên về áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc diện trợ giúp pháp lý miễn phí; bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án. Bị cáo Nông Văn S không nghiện ma túy nhưng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn đã nhận bán ma túy thuê cho Nông Văn T và được trả công từ 100.000 (một trăm nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Về hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt là 07 năm tù. Nhất trí với việc đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn H trình bày: Xét về vai trò của bị cáo Nông Văn H là người đến ở, giúp sức bán ma túy cho bị cáo Nông Văn T, Hoàng Thị L, bị cáo đóng vai trò thứ yếu, xét về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc diện trợ giúp pháp lý miễn phí do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về mức đề nghị áp dụng hình phạt chính mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đề nghị là không nặng, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm 07 năm tù. Nhất trí với việc đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn V trình bày: Về tội danh Cáo trạng truy tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội; nhất trí với tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng đã đề nghị; tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo thuộc hộ nghèo, bản thân trình độ văn hóa thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế. Về mức đề nghị áp dụng hình phạt chính mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đề nghị chưa hợp lý, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 07 năm tù. Nhất trí với việc đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Âu Văn L trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan; bị cáo có nhân thân tốt, bản thân bị cáo sinh ra trong gia đình thuần nông, sinh ra ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn được trợ giúp pháp lý miễn phí của Nhà nước, bố là người khuyết tật nặng; trình độ văn hóa thấp 3/12 nên việc nhận thức pháp luật kém; do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 07 năm tù. Nhất trí với việc đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Âu Văn H trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan; nhân thân bị cáo sinh ra trong gia đình thuần nông, sinh ra ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn được trợ giúp pháp lý miễn phí của Nhà nước, bố là người khuyết tật nặng, trình độ văn hóa thấp 3/12 nên việc nhận thức pháp luật kém, bị cáo bị bệnh suy thận cấp, bị cáo có nhân thân tốt; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xem xét xử phạt bị cáo ở mức

khởi điểm của khung hình phạt là 07 năm tù. Nhất trí với việc đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Kiểm sát viên tranh luận tại phiên tòa: Đối với ý kiến của những người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn H, Nông Văn S, Hoàng Văn V về việc đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 do các bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo được trợ giúp pháp lý miễn phí là không phù hợp vì các bị cáo đã được Nhà nước trợ giúp pháp lý miễn phí và tội phạm ma túy là tội phạm gây nguy hiểm cho xã hội lớn nên không áp dụng.

Người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn H, Nông Văn S, Hoàng Văn V trình bày: Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phát biểu là chưa hợp lý do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo nêu trên.

Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Khi nói lời sau cùng các bị cáo Hoàng Thị L, Hoàng Văn V, Nông Văn H, Nông Văn S, Âu Văn H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Các bị cáo Nông Văn T, Bế Đình B, Âu Văn L không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, phù hợp với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn T, Hoàng Thị L, Bế Đình B, Nông Văn H, Nông Văn S, Hoàng Văn V, Âu Văn H, Âu Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám xét ngày 27-02-2020, phù hợp với Kết luận giám định số 101/KL-PC09 ngày 02/3/2020 và Kết luận giám định số 121/KL-PC09 ngày 20-3-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nông Văn T là người trực tiếp đi mua ma túy với tổng khối lượng 6,63 gam (đã trừ bì) và thu

giữ ma túy tổng hợp có tổng khối lượng 0,435 gam (đã trừ bì). Bị cáo Nông Văn T và Hoàng Thị L đã bán lẻ ma túy nhiều lần cho các đối tượng nghiện để kiếm lời; đồng thời giao ma túy cho các bị cáo khác trong vụ án để bán; ngoài ra trong quá trình bán ma túy Nông Văn T còn cho một số bị cáo trong vụ án và các đối tượng nghiện khác sử dụng ma túy ngay tại phòng ngủ là địa điểm thuộc quyền quản lý của Nông Văn T nhiều lần; bị cáo Nông Văn S giúp bị cáo Nông Văn T bán ma túy và được trả tiền công, bản thân bị cáo đã bán ma túy 03 lần cho các đối tượng nghiện và một số bị cáo trong vụ án; các bị cáo Bế Đình B, Nông Văn H, Hoàng Văn V, Âu Văn L, Âu Văn H đã nhận ma túy chỗ bị cáo Nông Văn T và Hoàng Thị L để bán nhiều lần cho các đối tượng nghiện và được trả công bằng việc cho sử dụng ma túy. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với Nông Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Hoàng Thị L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Bế Đình B, Nông Văn S, Nông Văn H, Hoàng Văn V, Âu Văn L, Âu Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng vì đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo đủ tuổi trưởng thành, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi bản thân đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì nghiện ma túy và cần có ma túy để sử dụng và hám lời nên các bị cáo đã phạm tội. Hiện nay việc đấu tranh phòng, chống ma túy là nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội, do đó hành vi mua bán trái phép chất ma túy, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Nông Văn T; hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Hoàng Thị L, Bế Đình B, Nông Văn S, Nông Văn H, Hoàng Văn V, Âu Văn L, Âu Văn H là rất nghiêm trọng gây dư luận xấu trong xã hội cần phải được xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm, tuy nhiên là đồng phạm giản đơn, các bị cáo có sự phân công để cùng nhau cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[5] Đối với bị cáo Nông Văn T: Bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp một mình đi mua ma túy để bị cáo và bị cáo Hoàng Thị L bán; để phục vụ cho việc bán ma túy thuận lợi, tránh việc cơ quan chức năng phát hiện, bị cáo Nông Văn T thuê người xây tường rào xung quanh nhà, chỉ để cổng vào nhà và

lắp khung sắt xung quanh nhà và lắp đặt 02 camera giám sát, để quan sát thấy an toàn mới bán ma túy cho những người nghiện; bị cáo đã trực tiếp bán ma túy nhiều lần cho các đối tượng nghiện; đồng thời giao ma túy cho các bị cáo để bán ma túy và trả công cho các bị cáo trên bằng hình thức cho sử dụng ma túy hoặc trả tiền công bằng tiền. Đồng thời cho các bị cáo và một số đối tượng nghiện sử dụng ma túy tại nhà mình. Về tình tiết giảm nhẹ quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về nhân thân bị cáo đã bị kết án đã được xóa án tích, bị cáo không có tiền sự xác định bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Đối với bị cáo Hoàng Thị L thấy rằng: Bị cáo là người có vai trò tích cực trong việc mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo không nghiện ma túy nhưng do bản thân không có việc làm nên đã cùng Nông Văn T (chồng bị cáo) bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện để kiếm lời, lấy tiền chi tiêu phục vụ nhu cầu bản thân. Bị cáo bán ma túy cùng thời gian, địa điểm cho Lăng Văn M, Lý Văn T; đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp giao ma túy cho các bị cáo bán và trả công cho các bị cáo bằng hình thức cho sử dụng ma túy. Xét về nhân thân bị cáo đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo không có tiền sự, xác định bị cáo là người có nhân thân xấu; bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý. Lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm" nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; ngoài ra bị cáo có mẹ đẻ là La Thị T được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo đang chấp hành án 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 33/2019/HSST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, nay lại phạm tội mới trong thời gian thử thách do đó bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật.

[7] Đối với bị cáo Bế Đình B thấy rằng: Bị cáo là người có vai trò giúp sức tích cực trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện ma túy. Đồng thời cũng trực tiếp được một lần xẻ nhỏ ma túy cùng bị cáo Nông Văn T và Hoàng Thị L để bán cho các đối tượng nghiện. Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo có bố đẻ là ông Bế Viết P được tặng thưởng Huân chương kháng chiến đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo là người có nhân thân tốt.

[8] Đối với bị cáo Hoàng Văn V thấy rằng: Bị cáo là người có vai trò giúp sức trong mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã được bán ma túy nhiều lần cho các đối tượng nghiện ma túy và được bị cáo Hoàng Thị L cho ma túy để sử dụng. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hiện nay đang thi hành án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" xảy ra ngày 19-02-2020; hành vi mua bán trái phép chất ma túy này thực hiện sau nhưng đã bị xét xử trước; hành vi phạm tội bị cáo thực hiện trong vụ này thực hiện trước nhưng lại xét xử sau; do đó không áp dụng tình tiết tái phạm đối với bị cáo, vì vậy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo là người có nhân thân xấu bản thân bị cáo cũng đang thi hành án trong vụ án mua bán trái phép chất ma túy khác.

[9] Đối với bị cáo Nông Văn H, Nông Văn S, Âu Văn L, Âu Văn H là người nhận ma túy từ bị cáo Nông Văn T hoặc Hoàng Thị L để đem bán cho các đối tượng nghiện ma túy và được trả tiền công bằng tiền hoặc cho ma túy sử dụng. Các bị cáo Nông Văn H, Âu Văn L, Âu Văn H là người nghiện ma túy và đã bán ma túy nhiều lần cho các đối tượng nghiện; bị cáo Nông Văn S không nghiện ma túy được bán ma túy 03 lần cho những người nghiện ma túy và được trả tiền công. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo Âu Văn L, Âu Văn H có bố đẻ là ông Âu Viết N là người bị khuyết tật nặng, bị cáo Âu Văn H hiện nay đang mắc bệnh suy thận cấp do vậy các bị cáo Âu Văn L, Âu Văn H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 5.000.000 (năm triệu) đồng đến 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; ngoài ra căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 256 của Bộ luật Hình sự năm 2015, ngoài chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" bị cáo Nông Văn T còn có thể bị phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đến 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên xét về hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo như sau: Bị cáo Nông Văn T, Nông Văn H, Âu Văn H, Âu Văn L là những người nghiện ma túy, không có việc làm thu nhập không ổn định; bị cáo Bế Đình B có tài sản là đất rừng, đất ruộng, đất vườn và đất nhà ở, tuy nhiên nguồn gốc các tài sản này là do ông cha để lại hiện nay vợ và các anh chị em của bị cáo vẫn canh tác, bị cáo nghiện ma túy không có thu nhập ổn định; bị cáo Hoàng Văn V thuộc diện hộ nghèo, hiện nay bị cáo cũng đang chấp hành án trong vụ án khác, không có thu nhập ổn định; bị cáo Hoàng Thị L thuộc diện hộ nghèo, không có thu nhập ổn định; bị cáo Nông

Văn S không nghiện ma túy nhưng không có việc làm ổn định, không có tài sản có giá trị do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên V thường xuyên bán ma túy cho bị cáo Nông Văn T ở khu vực biên giới Việt Nam – Trung Quốc, do điều kiện lãnh thổ nên Cơ quan điều tra không đủ điều kiện để xác minh làm rõ.

[12] Ngày 27-02-2020, Lăng Văn M mua 01 gói ma túy Heroine có khối lượng 0,032 gam (đã trừ bì) và Lý Văn T mua 01 gói ma túy Heroine có khối lượng 0,030 gam (đã trừ bì) với bị cáo Hoàng Thị L. Căn cứ vào kết quả giám định, thì hành vi tàng trữ mỗi người 01 gói ma túy của Lăng Văn M và Lý Văn T chưa đủ định lượng để khởi tố hình sự. Cơ quan điều tra đã tách và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân các xã nơi những người này cư trú để đưa vào quản lý giáo dục tại xã theo Nghị định 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ về việc quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

[13] Đối với những người đã mua ma túy với các bị cáo tại nhà của Nông Văn T, bản thân những người này là người nghiện sau khi mua ma túy xong đã sử dụng hết nên không đề nghị xử lý trong vụ án này. Cơ quan điều tra đã tách và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân các xã nơi các đối tượng cư trú đề nghị xem xét đưa vào diện quản lý giáo dục tại xã theo Nghị định 111/2013/NĐ-CP ngày 30-9-2013 của Chính phủ về việc quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

[14] Đối với Triệu Văn L là người bán ma túy Methamphetamine cho bị cáo Nông Văn T, ngày 25-02-2020 Triệu Văn L đã bị khởi tố về hành vi mua bán trái phép chất ma túy này trong vụ án khác nên Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn không đề nghị xử lý trong vụ án này.

[15] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư có chữ "SV Lăng Văn M" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,019 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "SV Lý Văn T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,012 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "KX1 NÔNG VĂN T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,112 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết), 01 (một) túi nilon (cũ) đựng 2,975 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết), 01 (một) túi nilon có chữ "MERAP GROUP" (cũ) đựng 3,020 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "KX2 NÔNG VĂN T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên

Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,042 gam chất ma túy Methaphetamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "KX3 NÔNG VĂN T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,218 gam chất ma túy Methaphetamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) quyển vở học sinh kẻ ô ly màu trắng, mặt bìa có chữ "Play with me"; 10 (mười) tờ giấy kẻ ô ly màu trắng; 05 (năm) túi nilon màu trắng; 01 (một) chiếc kéo dài khoảng 20cm, cán nhựa màu xanh; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá; 02 (hai) bộ camera; 01 (một) thẻ điều trị Methadone số 0250020*** cấp ngày 26/8/2019 mang tên Bế Đình B là vật cấm tàng trữ, lưu hành, không có giá trị và không sử dụng được theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[16] Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.170.000 (bẩy triệu một trăm bẩy mươi nghìn) đồng trong phong bì niêm phong ký hiệu "tiền Hoàng Thị L"; số tiền 73.500.000 (bẩy mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng trong 02 phong bì niêm phong ký hiệu "tiền Nông Văn T" và "KX4 Nông Văn T"; số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng trong phong bì niêm phong "tiền Bế Đình B" là số tiền do phạm tội mà có theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[17] Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu đen, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 98A-014.**, số máy F16D3-1421***, số khung RLLANF46DCH9119***(hiện nay xe vẫn để ở kho vật chứng Công an huyện Văn Lãng, đã bàn giao chìa khóa xe cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn) của Nông Văn T, kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004***, tên chủ Lê Hoàng A, biển xe đăng ký 98A -014.**, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 08/10/2012; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định phương tiện giao thông số 9800***, biển đăng ký 98A-014.** do Công ty cổ phần đăng kiểm xe cơ giới Lạng Sơn cấp ngày 19/10/2019; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới số 1387***, tên chủ xe Lê Hoàng A, biển kiểm soát 98A-014.** do Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh cấp ngày 22/5/2019; 01 (một) bản hợp đồng mua bán xe viết tay giữa Nguyễn Thị L và Âu Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, màu xanh phiên bản V6.0.1 số IMEI1: 863.880.047.191.***, IMEI 2: 863880047191***, bên trong lắp 01 sim viettel; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, màu đen phiên bản V6.0.1 số IMEI1: 868.683.043.***.092, IMEI 2: 868683043614***, bên trong lắp 02 sim viettel là tài sản do phạm tội mà có và liên quan đến hành vi phạm tội mà có theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[18] Trả lại cho bị cáo Nông Văn T: 01 (một) giấy phép lái xe số 190174009*** mang tên Nông Văn T do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 29-

10-2018; 01 (một) chứng minh nhân dân số 082082*** cấp ngày 11-8-2015 mang tên Nông Văn T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng, số sêrri 358925076525*** vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[19] Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị L: 01 (một) túi xách giả da màu nâu, dây đeo màu da cam bề mặt ký hiệu chữ "XUEXECL"; 01 (một) chứng minh nhân dân số 080858*** mang tên Hoàng Thị L; 01 (một) giấy phép lái xe số 191173008*** mang tên Hoàng Thị L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đã qua sử dụng số IMEI1: 855121089737*** bên trong lắp 01 sim viettel, 01 sim vinaphone vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[20] Trả lại cho bị cáo Bế Đình B: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen số seri 356.018.089.944.*** bên trong lắp 01 sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, số imei1: 355.113.090.789.75*** bên trong lắp 01 sim Viettel vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[21] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[22] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, về việc xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[23] Xét đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Thị L, Bế Đình B, Nông Văn S, Nông Văn H, Hoàng Văn V, Âu Văn L, Âu Văn H là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[24] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Văn T (các tên gọi khác P).

Căn cứ vào điểm b, c, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Thị L.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bế Đình B.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Văn V.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Âu Văn L, Âu Văn H.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nông Văn S, Nông Văn H.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; các điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T (các tên gọi khác P) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Các bị cáo Hoàng Thị L, Bế Đình B, Hoàng Văn V, Nông Văn S, Nông Văn H, Âu Văn L, Âu Văn H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nông Văn T (các tên gọi khác P) 08 (tám) năm 10 (mười) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 07 (bẩy) năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo Nông Văn T phải chấp hành là 15 (mười lăm năm) năm 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28-02-2020.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 33/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chấp hành là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27-02-2020.

+ Xử phạt bị cáo Bế Đình B 07 (bẩy) năm 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28-02-2020.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 42/2020/HSST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-02-2020.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn H 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22-6-2020.

+ Xử phạt bị cáo Âu Văn L 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31-7-2020.

+ Xử phạt bị cáo Âu Văn H 07 (bẩy) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam (thời hạn tạm giữ, tạm giam tính từ ngày 31-7-2020 đến ngày 31-8-2020); thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn S 07 (bẩy) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22-6-2020.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư có chữ "SV Lăng Văn M" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,019 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "SV Lý Văn T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,012 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "KX1 NÔNG VĂN T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,112 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết), 01 (một) túi nilon (cũ) đựng 2,975 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết), 01 (một) túi nilon có chữ "MERAP GROUP" (cũ) đựng 3,020 gam chất ma túy Heroine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "KX2 NÔNG VĂN T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,042 gam chất ma túy Methaphetamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì thư có chữ "KX3 NÔNG VĂN T" (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,218

gam chất ma túy Methaphetamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) quyển vở học sinh kẻ ô li màu trắng, mặt bìa có chữ "Play with me"; 10 (mười) tờ giấy kẻ ô li màu trắng; 05 (năm) túi nilon màu trắng; 01 (một) chiếc kéo dài khoảng 20 cm, cán nhựa màu xanh; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá; 02 (hai) bộ camera; 01 (một) thẻ điều trị Methadone số 0250020*** cấp ngày 26/8/2019 mang tên Bế Đình B.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.170.000 (bẩy triệu một trăm bẩy mươi nghìn đồng) trong phong bì niêm phong ký hiệu "tiền Hoàng Thị L"; số tiền 73.500.000 (bẩy mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng trong 02 phong bì niêm phong ký hiệu "tiền Nông Văn T" và "KX4 Nông Văn T"; số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng trong phong bì niêm phong "tiền Bế Đình B".

3.3. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu đen, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 98A-014.**, số máy F16D3-1421***, số khung RLLANF46DCH9119***của Nông Văn T, kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004***, tên chủ Lê Hoàng A, biển xe đăng ký 98A -014.**, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 08/10/2012; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định phương tiện giao thông số 9800***, biển đăng ký 98A-014.** do Công ty Cổ phần đăng kiểm xe cơ giới Lạng Sơn cấp ngày 19/10/2019; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới số 1387***, tên chủ xe Lê Hoàng A, biển kiểm soát 98A-014.** do Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh cấp ngày 22/5/2019; 01 (một) bản hợp đồng mua bán xe viết tay giữa Nguyễn Thị L và Âu Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, màu xanh phiên bản V6.0.1 số IMEI1: 863.880.047.191.***, IMEI 2: 863880047191***, bên trong lắp 01 sim viettel; 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, màu đen phiên bản V6.0.1 số IMEI1: 868.683.043.***.092, IMEI 2: 868683043614***, bên trong lắp 02 sim viettel.

3.4. Trả lại cho bị cáo Nông Văn T (các tên gọi khác P): 01 (một) giấy phép lái xe số 190174009*** mang tên Nông Văn T do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 29/10/2018; 01 (một) chứng minh nhân dân số 082082*** cấp ngày 11/8/2015 mang tên Nông Văn T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng, số seerri 358925076525***.

3.5. Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị L: 01 (một) túi xách giả da màu nâu, dây đeo màu da cam bề mặt ký hiệu chữ "XUEXECL"; 01 (một) chứng minh nhân dân số 080858*** mang tên Hoàng Thị L; 01 (một) giấy phép lái xe số 191173008*** mang tên Hoàng Thị L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đã qua sử dụng số IMEI1: 855121089737*** bên trong lắp 01 sim viettel, 01 sim vinaphone.

3.6. Trả lại cho bị cáo Bế Đình B: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen số seri 356.018.089.944.*** bên trong lắp 01 sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, số imei1: 355.113.090.789.75*** bên trong lắp 01 sim Viettel.

(Chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET hiện nay xe vẫn để ở kho vật chứng Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã bàn giao chìa khóa xe cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; còn các vật chứng khác hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/11/2020).

4. Về án phí: Các bị cáo Nông Văn T (các tên gọi khác P), Hoàng Thị L, Bế Đình B, Hoàng Văn V, Nông Văn S, Nông Văn H, Âu Văn L, Âu Văn H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có QLNV liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh